

Bản án số: 35/2019/DS-PT.

Ngày 11/4/2019.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Ông L1 Xuân Lộc.

- Bà Phạm Thị Minh Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bg.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bg:** Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bg xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLPT-DS ngày 14/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện LNg có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐ-PT ngày 29/03/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức Đ1, sinh năm 1940. (có mặt).

Trú quán: thôn Trại Mới, xã GiS, huyện LNg, Bg

2. *Bị đơn:* - Anh Lê Văn L1, sinh năm 1978 (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1979 (có mặt).

Đều trú tại: thôn Trại Mới, xã GiS, huyện LNg, Bg.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1948 ( vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Anh Nguyễn Đức Đ2, sinh năm 1986 (có mặt).

3.3. Chị Trần Thị Kh, sinh năm 1989 ( vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đều trú tại: thôn Trại Mới, xã GiS, huyện LNg, Bg.

4. *Người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Võ Thị An Bình- Luật sư Văn phòng luật sư Dân An- Đoàn luật sư tỉnh Bg. (có mặt)

5. *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Th1 - Là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2018, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết tại phiên Tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức Đ1 trình bày:* Ông và vợ chồng anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 có quan hệ hàng xóm. Do có nhu cầu về vốn để kinh doanh buôn bán làm ăn từ năm 2016 anh L1, chị Th1 hỏi vay tiền, ông nhất trí và đã cho vợ chồng anh L1, chị Th1 vay tiền nhiều lần, có lần vay đã trả xong, có lần vay chưa trả. Ngày 15/06/2018 (âm lịch) ông và vợ chồng anh L1, chị Th1 chốt nợ cộng lại thì vợ chồng anh L1, chị Th1 còn nợ gia đình ông 600.000.000 đ (sáu trăm triệu đồng chẵn). Hai bên đã tự nguyện viết giấy vay tiền ghi ngày 15/6/2018 (âm lịch) vợ chồng anh L1 chị Thuý còn nợ ông số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn) anh L1 và chị Thuý đã cùng nhau ký kết và có xác nhận của chính quyền thôn Trại Mới, GiS. Do gia đình có nhu cầu sử dụng khoản tiền trên ông đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh L1, chị Th1 trả lại, nhưng vợ chồng anh L1, chị Th1 không trả và còn khát hết này sang lần khác. Thấy quyền lợi bị xâm hại ông đã viết đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh L1, chị Th1 trả lại gia đình ông số tiền là 600.000.000 đ (sáu trăm triệu đồng chẵn), không tính lãi phát sinh.

*Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên Tòa bị đơn anh Lê Văn L1 trình bày:* Như ông Nguyễn Đức Đ1 trình bày là đúng. Do thiếu tiền vốn trong kinh doanh buôn bán từ năm 2016 vợ chồng anh đã hỏi vay tiền của ông Đ3 nhiều lần, có lần vay đã trả xong, có lần vay chưa trả. Ngày 15/6/2018 vợ chồng anh và ông Đ3 đã chốt lại, vợ chồng anh còn nợ ông Đ3 600.000.000 đồng, không tính lãi, hai bên đã thoả thuận thống nhất viết giấy vay tiền ghi ngày 15/6/2018 (âm lịch) vợ chồng anh đã tự nguyện cùng nhau ký kết, không bị ép buộc.

Do trong buôn bán, kinh doanh bị rủi ro, nay gia đình ông Đ3 đề nghị trả số tiền trên anh nhất trí, nhưng không có tiền để trả ngay một lúc, anh đề nghị gia đình ông Đ3 cho anh thời gian để thu xếp trả dần, còn nếu không anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với cháu Lê Thị Thu H là con của anh đã đi lấy chồng và có gia đình riêng, không liên quan đến việc vay nợ này, anh đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng.

*Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết tại Tòa án chị Nguyễn Thị Th1 trình bày:* Chị và anh Lê Văn L1 là quan hệ vợ chồng, chị đồng nhất với ý kiến trình bày của anh L1.

Chị thừa nhận vợ chồng còn nợ ông Nguyễn Đức Đ1 số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn), số tiền này vợ chồng đã tự nguyện nhận nợ không bị ép buộc cùng nhau ký kết giấy vay tiền ghi ngày 15/6/2018 (âm lịch). Do trong kinh

doanh bị rủ ro, nay gia đình ông Đ3 đề nghị trả số tiền trên chị nhất trí, nhưng không có tiền để trả ngay một lúc, chị đề nghị cho vợ chồng chị thời gian thu xếp trả làm nhiều lần, còn nếu không chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên Tòa bà Ngô Thị T2 trình bày:* Bà là vợ ông Nguyễn Đức Đ1, bà xác định từ năm 2016 anh L1, chị Th1 có nhiều lần vay tiền của gia đình bà, đến ngày 15/6/2018 (âm lịch) ông Đ3 chồng bà và vợ chồng anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 chót nợ. Vợ chồng Lương, Thúy còn nợ gia đình bà 600.000.000 đồng, khi gia đình cần tiền yêu cầu vợ chồng anh L1, chị Th1 trả, nhưng đòi nhiều lần không trả và còn khát hết lần này sang lần khác. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh L1, chị Th1 phải có nghĩa vụ trả cho gia đình bà số tiền 600.000.000 đ (sáu trăm triệu đồng), không tính lãi phát sinh.

*Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên Tòa án anh Nguyễn Đức Đ2, chị Trần Thị Kh trình bày:* Anh, chị là con ông Nguyễn Đức Đ1 và bà Ngô Thị T2, anh chị xác định từ năm 2016 vợ chồng anh L1, chị Th1 có vay tiền của gia đình anh chị nhiều lần. Ngày 15/6/2018 (âm lịch) bố anh và vợ chồng anh L1, chị Th1 chót nợ thì vợ chồng anh L1, chị Th1 còn nợ gia đình anh 600.000.000 đồng. Do có nhu cầu gia đình đã đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng anh L1 chị Thúy không trả. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 phải có nghĩa vụ trả lại cho gia đình số tiền trên, không tính lãi phát sinh.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân Lục Ngạn đã quyết định:

1. Điều luật áp dụng: Điều 357; Điều 463; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.1. Chấn nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Đ1.

2.2. *Xử:* Buộc vợ chồng anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 phải có nghĩa vụ nợ cho gia đình vợ chồng ông Nguyễn Đức Đ1, bà Ngô Thị T2, anh Nguyễn Đức Đ2 và chị Trần Thị Kh tổng số tiền là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn), không tính lãi phát sinh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 22/11/2018, Chị Nguyễn Thị Th1 là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo không nhất trí với bản án xử sơ thẩm về việc chị vay và trả nợ ông Đ3 và xem xét việc sửa chữa giấy nợ của ông Đ3.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Đức Đ1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là chị Nguyễn Thị Th1 không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

\* Nguyên đơn là ông Nguyễn Đức Đ1 trình bày: Yêu cầu vợ chồng anh L1, chị Th1 phải trả cho ông số tiền 600.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 15/6/2018 (âm lịch), không yêu cầu anh L1, chị Th1 phải trả lãi.

\* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Th1 trình bày: chị vẫn đồng ý trả nợ cho ông Đ3 số tiền 600.000.000đồng nhưng theo giấy thỏa thuận giữa hai bên từ trước là trả dần khoản nợ này. Do không có điều kiện, chị đề nghị được trả dần khoản nợ.

\* Bị đơn là anh Lê Văn L1 trình bày: Đề nghị cho gia đình anh được trả dần vì theo thỏa thuận trong giấy vay nợ là trả dần. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc sửa giấy vay của ông Đ3.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 15/6/2018 thì vợ chồng anh L1, chị Th1 có nợ của ông Đ3 số tiền 600.000.000đồng. Giấy vay tiền là do chị Th1 viết và vợ chồng anh chị ký. Do cần tiền, ông Đ3 đã đòi rất nhiều lần nhưng anh L1, chị Th1 không trả. Nên yêu cầu buộc chị Th1, anh L1 phải trả cho ông Đ3 số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bg phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc vợ chồng anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 phải có nghĩa vụ nợ cho gia đình vợ chồng ông Nguyễn Đức Đ1, bà Ngô Thị T2, anh Nguyễn Đức Đ2 và chị Trần Thị Kh tổng số tiền là 600.000.000đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị Th1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bg. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 15/06/2018 (âm lịch) vợ chồng anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 đã tự nguyện cùng nhau ký giấy vay tiền số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn) của ông Đ3. Ông Đ3 đòi nhiều lần nhưng anh L1, chị Th1 không trả, ông Đ3 khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện LN nên đây là vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th1 thì thấy:

[2.1]. Ngày 15/6/2018 (âm lịch) giữa ông Đ3, anh L1, chị Th1 đã tự nguyện thoả thuận thống nhất chốt nợ, vợ chồng anh L1, chị Th1 còn nợ ông Đ3 tổng số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn). Hai bên đã viết giấy vay nợ tiền ghi ngày 15/6/2018(âm lịch), vợ chồng anh L1 chị Thuý ký nhận là hoàn toàn tự nguyện. Do có nhu cầu cần dùng số tiền trên, gia đình ông Đ3 đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh L1, chị Th1 trả tiền nhưng anh L1, chị Th1 không trả. Phía nguyên đơn đưa ra thời gian và phương thức trả nợ 03 lần, phía bị đơn thừa nhận còn nợ phía nguyên đơn là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng chẵn), nhưng không có tiền để trả ngay mà phải cho có thời gian để thu xếp trả dần. Nay gia đình vợ chồng ông Nguyễn Đức Đ1, bà Ngô Thị T2, anh Nguyễn Đức Đ2 và chị Trần Thị Kh đều đề nghị Toà án buộc vợ chồng anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 phải trả lại gia đình số tiền còn nợ là 600.000.000 đ (sáu trăm triệu đồng chẵn). Nên án sơ thẩm buộc phía bị đơn phải trả số tiền trên là có căn cứ chấp nhận phù hợp với các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th1, anh L1 vẫn thừa nhận khoản nợ và đề nghị được trả dần, ông Đ3 không đồng ý, chị Th1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác. Do vậy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của chị Th1.

[2.2]. Chị Th1 kháng cáo đề nghị xem xét việc sửa chữa giấy vay, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc sửa giấy vay ông Đ3 đã thừa nhận. Tuy nhiên, việc sửa giấy không liên quan đến nội dung chị Th1, anh L1 nợ tiền ông Đ3 và tổng số tiền vay. Nội dung giấy vay là vay không thời hạn, nên khi cần ông Đ3 báo trước nhưng chị Th1, anh L1 không trả nên ông Đ3 có quyền khởi kiện đến Tòa án đòi anh L1, chị Th1 trả số tiền đã cho vay.

[2.3]. Do anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 là quan hệ vợ chồng cùng nhau ký kết giấy vay nợ, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Buộc vợ chồng anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 phải có nghĩa vụ trả cho gia đình ông Nguyễn Đức Đ1, bà Ngô Thị T2, anh Nguyễn Đức Đ2, chị Trần Thị Kh tổng số tiền 600.000.000đ ( sáu trăm triệu đồng chẵn). Đối với lãi suất phát sinh gia đình ông Đ3, bà T2, anh Đ2, chị Kh không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th1 không được chấp nhận nên chị Th1 phải chịu án phí án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ Điều 357; Điều 463; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Đ1.

2. Buộc vợ chồng anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 phải có nghĩa vụ trả cho gia đình ông Nguyễn Đức Đ1, bà Ngô Thị T2, anh Nguyễn Đức Đ2 và chị Trần Thị Kh tổng số tiền là 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng chẵn).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. □n phí: Áp dụng Điều 6 Điều 24 và Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả ông Nguyễn Đức Đ1 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng chẵn), tiền tạm ứng án phí DSST theo biên lai số: AA/2016/0003499, ngày 30/07/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Buộc vợ chồng anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị Th1 phải chịu 28.000.000đ (hai tám triệu đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Th1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị Th1 đã nộp theo biên lai số AA/2018/0005208 tại Chi cục thi hành án huyện LNg. Xác nhận chị Th1 đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện LNg;
- VKSND tỉnh Bg;
- Chi cục THADS huyện LNg;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Xuân Lộc Phạm Thị Minh Hiền**

**Trần Thị Hà**









